

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HS-ST  
Ngày: 21 - 9 -2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trương Thị Thanh Tuyền;

2. Ông Huỳnh Văn Thanh.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lý Chí Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2020/HS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Phí Văn B1**, sinh năm 1992, nơi cư trú: Tổ 09, khóm Z, phường PcA, thành phố X, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phí Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1961; anh chị em có 05 người, bị cáo là người thứ ba;

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Ngày 29/4/2020, Công an thành phố X Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đến nay chưa nộp phạt.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/6/2020 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Văn B2(uC)**, sinh ngày 10/12/1998, nơi cư trú: Tổ 11, khóm 1, phường PcA, thành phố X, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị C3, sinh năm 1976; anh chị em có 03 người, bị cáo là người thứ ba;

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Ngày 27/6/2018, Tòa án nhân dân thành phố X Quyết định xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng, đã chấp hành xong; Các ngày 21/3/2020, 22/6/2020, Công an thành phố X Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng và 1.000.000 đồng, cùng hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đến nay chưa nộp phạt.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/7/2020 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Chị Nguyễn Thị Lệ H1, sinh năm 1965, nơi cư trú: tổ 05, khóm 4, phường PcA, thành phố X, tỉnh An Giang;

- Anh Nguyễn Đỗ Trung H2, sinh năm 1986, nơi cư trú: tổ 06, khóm B, phường PcA, thành phố X, tỉnh An Giang;

- Chị Đỗ Thị Thanh H3, sinh năm 1977, nơi cư trú: tổ 01, khóm Lc6, phường MV, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Văn Q1, sinh năm 1984, nơi cư trú: Tổ 05, ấp p, xã U, huyện PA, tỉnh An Giang; ông Q1 vắng mặt.

- Anh Trần Hữu Q2, sinh năm 1988, nơi cư trú: khóm TH, phường PcA, thành phố X, tỉnh An Giang;

- Chị Nguyễn Thị Ngọc Q3, sinh năm 1984, nơi cư trú: khóm Vx, phường NV, thành phố X, tỉnh An Giang;

- Anh Huỳnh Văn Q4, sinh năm 1985, nơi cư trú: khóm Vx, phường NV, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Anh Phí Văn Q5, sinh năm 1989, nơi cư trú: tổ 09, khóm Z, phường PcA, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Chị Lê Thị Q6, sinh năm 1981, nơi cư trú: tổ 09, khóm Z, phường PcA, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người tham gia tố tụng khác:

- Chị Đỗ Thị K1, sinh năm 1983;

- Anh Nguyễn Duy K2, sinh năm 1973.

Ông(bà) H2; Thủy; H1; Q1; Q2; Q3; Q4; Q6 vắng mặt tại phiên tòa.

Ông Q5 có mặt; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H1, ông H2; bà H3; ông Q1; ông Q2; bà Phượng; ông Q4; bà Q6; bà K1 và ông K2 vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt:*

Khoảng 22 giờ ngày 04/5/2020, Phí Văn B1 đi xe đạp, chở Nguyễn Văn B2, tìm tài sản lấy trộm, bán chia nhau tiêu xài, mua ma túy sử dụng. Khi đến bãi đỗ xe của Đỗ Thị Thanh H3, tại tổ 01, khóm Lc6, phường MV, thành phố X, B1 dừng xe, cảnh giới cho B2 vào lấy trộm 01 xe đạp thể thao của H3, rồi cùng đem bán cho Trần Văn Q1, lấy 400.000 đồng, mua ma túy sử dụng; Q1 bán xe lại cho người thanh niên (không rõ lai lịch) lấy 500.000 đồng (không thu hồi được). Phát hiện bị mất trộm, H3 trình báo Cơ quan Công an mời làm việc, B1, B2 khai nhận hành vi phạm tội;

Quá trình điều tra, được biết Phí Văn B1 đã thực hiện các vụ phạm tội như sau:

Vụ 1: Khoảng 23 giờ ngày 11/4/2020, Phí Văn B1 đi xe đạp đến tiệm tạp hóa của chị Nguyễn Thị Lệ H1, tổ 05, khóm 4, phường PcA, thành phố X, lén lấy trộm 01 ví da nữ, màu đỏ, có 02 hợp đồng cầm cố tài sản và 6.300.000 đồng; B1 lấy tiền chơi game bắn cá thua hết, giữ lại 02 hợp đồng, ném bỏ ví da (không thu hồi được);

Vụ 2: Khoảng 02 giờ ngày 17/4/2020, Phí Văn B1 đi xe đạp đến nhà Nguyễn Đỗ Trung H2, số 255, đường Nguyễn Văn Thoại, khóm Châu Thới 2, phường PcB, thành phố X dung vít cại cửa, lén vào lấy trộm 01 ổ áp, 01 chai nước hoa, 01 chai lăn khử mùi, 01 máy sấy tóc, đem bán ổ áp cho Huỳnh Văn Q4, giá 400.000 đồng; chai nước hoa, chai lăn khử mùi, cất giấu sử dụng; máy sấy tóc bị hư ném bỏ. Khoảng 02 giờ ngày 23/4/2020, B1 tiếp tục đột nhập vào nhà của H2 lấy trộm 01 bàn gỗ, 01 quạt máy, đem bàn gỗ đến khu vực chợ TH, phường A, bán cho thanh niên không rõ tên, địa chỉ lấy 300.000 đồng, quạt cất giấu, sử dụng. Phí Văn Q5 anh ruột của B1 đã chuộc bàn gỗ trả lại cho H2.

Vật chứng thu giữ do Phí Văn B1 giao nộp: 02 hợp đồng cầm cố tài sản (lưu hồ sơ vụ án); 01 quạt máy, nhãn hiệu SKYFAN; 01 ổ áp nhãn hiệu LIOA (đã trao trả cho Nguyễn Đỗ Trung H2); 02 xe đạp (B1 làm phương tiện phạm tội);

Căn cứ các kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 112 ngày 21/5/2020 và số 170 ngày 13/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố X, ghi nhận: 01 xe đạp thể thao màu đen, trị giá 2.400.000 đồng (do bị cáo B1, B2 trộm của Đỗ Thị Thanh H3); 01 quạt máy nhãn hiệu SKYFAN, trị giá 500.000 đồng; 01 ổ áp nhãn hiệu LIOA trị giá 500.000 đồng; 01 bàn gỗ không rõ nhãn hiệu, thông số sản phẩm, không định giá được, nhưng Phí Văn B1, Phí Văn Q5 cùng khai cầm cố chuộc lại giá 300.000 đồng; 01 chai nước hoa, 01 chai lăn khử mùi, 01 máy sấy tóc, không rõ nhãn hiệu, thể tích, không định giá được; (Phí Văn B1 lấy trộm của Đỗ Trung H2 tổng trị giá 850.000 đồng);

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X khởi tố bắt tạm giam đối với Phí Văn B1 và Nguyễn Văn B2;

Cáo trạng số 71/CT-VKSCĐ ngày 28/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X truy tố Phí Văn B1 và Nguyễn Văn B2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;(Sau đây gọi chung là Bộ luật hình sự)

Tại phiên tòa,

Bị cáo B1, B2 khai nhận đã thực hiện hành vi lấy trộm tài sản như cáo trạng Viện Kiểm sát truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được kiểm chứng tại phiên tòa nên có cơ sở xác định hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên giữ nguyên quan điểm truy tố.

Đây là vụ án có đồng phạm, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, đều là người thực hành, nên thuộc đồng phạm giản đơn; Các bị cáo là người có nhận thân xấu

Về tình tiết tang nặng, giảm nhẹ hình phạt: Bị cáo B2 không có tình tiết tăng nặng; bị cáo B1 nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, mỗi lần thực hiện hành vi đều cấu thành tội phạm (giá trị tài sản chiếm đoạt trên 2.000.000đồng), do đó, bị cáo B1 phải chịu tình tiết tang nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự (BLHS). Các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ thuộc thành phần nhân dân lao động; học lực thấp; thành khẩn khai báo; Riêng bị cáo B2 có tình tiết “*Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

*Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử:*

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phí Văn B1 từ 01(một) năm 06(sáu) tháng đến 02(hai) năm tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B2 từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù;

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không nghề nghiệp, hoàn cảnh khó khăn, không áp dụng hình phạt bổ sung;

*Về trách nhiệm dân sự:*

Bị hại H2 không yêu cầu bồi thường thiệt hại; các bị hại H1, H3 có yêu cầu bồi thường thiệt hại theo giá trị đã được định giá là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận;

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLHS tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 02 hợp đồng cầm cố tài sản; Tịch thu 02 xe đạp của bị cáo Lôi làm phương tiện phạm tội sung quỹ Nhà nước.

Đối với Trần Văn Q1 mua tài sản của Phí Văn B1, Nguyễn Văn B2 đem bán, không biết do trộm mà có, tuy là giao dịch ngay tình nhưng sau đó đem bán cho người khác không thu hồi được nên phải liên đới chịu trách nhiệm dân sự cùng bị cáo B1, B2.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, đối với nội dung luận tội của Kiểm sát viên. Trong lời nói sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

#### *[1] Về tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền xét xử: Các bị cáo thực hiện tội phạm trên địa bàn thành phố X; Tội phạm bị cáo thực hiện có khung hình phạt dưới 15 năm, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân thành phố X.

[1.2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an nhân dân thành phố X; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố X; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và người làm chứng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[1.3] Về vắng mặt người tham gia tố tụng: Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt. Xét, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

#### *[2] Về nội dung:*

##### *[2.1] Hành vi phạm tội:*

Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa với lời khai người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng là phù hợp với nhau về diễn biến, thời gian và hành vi thực hiện tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện:

Chị Đỗ Thị Thanh H3 cho biết: Nguyên vào ngày 04/5/2020, sau khi làm xong việc chị đóng cửa nhà tại khóm Lc6, phường MV, thành phố X để nghỉ ngơi. Đến khoảng 05 giờ sáng ngày 04/5/2020 thức dậy mở cửa thì phát hiện xe đạp loại xe leo núi màu đen đậu trong nhà bị mất, nên trình báo Công an;

Chị Nguyễn Thị Lệ H1 cho biết: ngày 11/4/2020, chị đến tiệm tạp hóa tại tổ 05, khóm 4, phường PcA, thành phố X, để 02 ví da, bên trong có 02 hợp đồng cầm cố tài sản và số tiền khoảng 8000.000đồng. Sau đó đi làm tóc, đến khoảng 06 giờ chị về thì phát hiện số tài sản đã mất, nên trình báo công an;

Anh Nguyễn Đỗ Trọng H2 cho biết: Nguyễn vào ngày 17/4/2020, nhà bị mất tài sản gồm 01 ổ áp, 01 chai nước hoa, 01 chai lăn mùi, 01 máy sấy tóc. Đến ngày 23/4/2020, anh H2 tiếp tục bị mất tài sản gồm 01 bàn gỗ, 01 quạt máy; Anh Huỳnh Văn Q4 cho biết đã mua ổ áp của H2 giá 400.000đồng; anh ruột của bị cáo B1 cho biết đã chuộc lại bàn gỗ do B1 lấy trộm trả lại cho chủ sở hữu;

Ngoài ra, lời khai nhận của các bị cáo còn phù hợp với vật chứng vụ án đã thu giữ, đã giao trả lại cho chủ sở hữu và cơ quan Thi hành án dân sự thành phố X. Từ đó, có căn cứ xác định các bị cáo đã lợi dụng lúc sơ hở của các bị hại trong quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt, theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 112 ngày 21/5/2020 và số 170 ngày 13/7/2020 ghi nhận: 01 xe đạp thể thao màu đen, trị giá 2.400.000đồng (do bị cáo B1, B2 trộm của Đỗ Thị Thanh H3); 01 quạt máy nhãn hiệu SKYFAN, trị giá 500.000đồng; 01 ổ áp nhãn hiệu LIOA trị giá 500.000đồng; 01 bàn gỗ không rõ nhãn hiệu, thông số sản phẩm, không định giá được, nhưng Phí Văn B1, Phí Văn Q5 cùng khai cầm cố chuộc lại giá 300.000đồng; Phí Văn B1 lấy trộm của Đỗ Trung H2 850.000đồng;

Các bị cáo đang ở tuổi lao động, đáng lẽ, phải cố gắng lao động để tạo thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân, gia đình nhưng vì muốn có tiền không phải lao động cực khổ có được, các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác, nhằm mục đích sử dụng ma túy, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện tính xem thường xem thường pháp luật;

Các bị cáo đã thành niên, có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” như nội dung Cáo trạng truy tố cũng như quan điểm của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật; đúng người đúng tội. Ngoài ra, các bị cáo còn là người đang nghiện ma túy. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi của từng bị cáo, đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng giữa các bị cáo không có bị bàn bạc, phân công nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong quá trình lượng hình cần phân hóa vai trò của từng bị cáo về hành vi phạm tội. Đối với bị cáo Phí Văn B1, ngoài vụ chiếm đoạt tài sản của chị H3 cùng với B2, thì bị cáo còn chiếm đoạt nhiều tài sản khác, mỗi lần thực hiện hành vi đủ điều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do đó, về hình phạt phải phần nặng hơn bị cáo B2 như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa là có cơ sở.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; tự nguyện giao trả một phần tài sản chiếm đoạt; các bị cáo thuộc thành phần lao động có hoàn cảnh kinh tế khó khăn; học lực thấp; bị cáo B1 tự khai nhận những lần phạm tội trước đó; bị cáo B2 có thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Xét, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên có xem xét áp dụng, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo trong khi lượng hình.

[2.2] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 5 Điều 173, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy, các bị cáo thuộc thành phần lao động, chưa có nghề nghiệp, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[2.3] Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 02 hợp đồng cầm cố tài sản; tịch thu sung quỹ Nhà nước 02 xe đạp của Phí văn B1 như quan điểm của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Nguyễn Thị Lệ H1 cho rằng bị mất trộm số tiền 8.000.000đồng, bị cáo B1 thừa nhận lấy trộm 6.300.000đồng. Ngoài lời khai của bị hại không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bị cáo đã lén lút lấy trộm của của H1 số tiền 8.000.000 đồng. Vì vậy không có cơ sở buộc bị cáo phải trả cho chị H1 số tiền 8.000.000đồng. Bị cáo đồng ý trả lại cho chị H1 số tiền 6.300.000 đồng, xét chấp nhận.

Chị Đỗ Thị Thanh H3, là người bị mất xe đạp (không thu hồi được) nhưng chị H3 có yêu cầu bồi thường theo như kết quả định giá của Hội đồng tài sản trong tố tụng hình sự. Xét chấp nhận yêu cầu của chị H3, buộc bị cáo B1, bị cáo B2 liên đới trả chị H3 số tiền 2.400.000đồng;

Đối với anh Trần Văn Q1, là người mua tài sản của Phí Văn B1, Nguyễn Văn B2 đem bán, không thu hồi được, không biết do trộm mà có, nên không xử lý hình sự là có cơ sở, tuy không xử lý, nhưng phải liên đới trách nhiệm bồi thường cho chị Đỗ Thị Thanh H3 2.400.000đồng; B1 bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Lệ H1 6.300.000đồng;

Đối với người thanh niên tên Vũ (không rõ địa chỉ, họ, tên) Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý theo luật định.

[Về án phí]:

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo: Phí Văn B1; Nguyễn Văn B2 (uC) phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”,

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

**Xử phạt:** Bị cáo Phí Văn B1 02 (hai) năm tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày 10/6/2020 (*mười, tháng sáu, năm hai ngàn không trăm hai mươi*).

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015,

**Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn B2 (uC) 01(một) năm tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày 09/7/2020 (*chín, tháng bảy, năm hai ngàn không trăm hai mươi*).

*Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;*

Tiếp tục lưu hồ sơ 02 hợp đồng cầm cố tài sản;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01(một) xe đạp mi ni màu trắng đen, kiểu xe nữ, có rổ phía trước bằng nhựa màu xám bị bể, trên thân xe có chữ và số M5G53808, đã qua sử dụng và 01(một) xe đạp mi ni màu đỏ, kiểu xe nam, có rổ phía trước bằng kim loại màu trắng, trên thân xe có chữ và số E6A38871, đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11 tháng 8 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố X với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X).

*Căn cứ Điều 48 BLHS; Điều 584; 586; 587 và 589 Bộ luật dân sự buộc*

Trần Văn Q1 và bị Cáo Phí Văn B1, Nguyễn Văn B2 liên đới bồi thường cho chị Đỗ Thị Thanh H3 2.400.000đồng; B1 bồi thường cho chị Nguyễn Thị Lê H1 6.300.000đồng;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

*Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Buộc bị cáo Phí Văn B1 và bị cáo Nguyễn Văn B2, mỗi người phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Phí Văn B1 chịu 315.000 (Ba trăm mười lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Phí Văn B1; Nguyễn Văn B2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn Q1 cùng liên đới chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. X (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS TP. X (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Đức**